

TỈNH KHÁNH HÒA

Về việc: “*Ly hôn*”.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

Về chia tài sản chung: Bà T và ông L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Ngọc L trình bày: Ông L và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà T tác động nên các con không tôn trọng ông L, bà T cho rằng ông L có quan hệ với người phụ nữ khác là không có vì ông L đang tham gia tập dưỡng sinh nên hay vắng nhà. Nay ông L xác định không còn tình cảm với bà T nên bà T yêu cầu ly hôn ông L đồng ý.

Về con chung: Ông L và bà T có 03 con chung tên là Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1988, Lê Ngọc T, sinh năm 1991 và Lê Thị Bích T, sinh năm 1991 các con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Ông L và bà T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L xác định không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm, hướng giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu ly hôn: Bà T và ông L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 mà không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L bỏ bê, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông L thường xuyên vắng nhà đi đâu làm gì bà T không biết. Bà T phát hiện ông L có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay không hòa giải được, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông L có 03 con chung tên là Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1988, Lê Ngọc T, sinh năm 1991 và Lê Thị Bích T, sinh năm 1991 các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà T và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông L xác định không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; các Điều 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Thanh T và ông Lê Ngọc L.

[2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông L có 03 con chung tên là Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1988, Lê Ngọc T, sinh năm 1991 và Lê Thị Bích T, sinh năm 1991 các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Ngọc L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Ngọc L xác định không có nợ chung.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012381 ngày 03/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh.
- Chi cục THA dân sự huyện Diên Khánh
- UBND xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Hải

